

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ
VẬN TẢI SAFI**

**Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2012 đến 30/06/2012
đã được soát xét**

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TÀI SAFI

Số 39, Đường Đoàn Như Hải, Phường 12, Quận 4,
Thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG

	<u>Trang</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02-03
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT	04
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	05-25
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	05-06
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	07
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	08
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	09-25



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TÀI SAFI

Số 39, Đường Đoàn Như Hải, Phường 12, Quận 4,
Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đại lý Vận tài Safi (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 06 năm 2012.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đại lý Vận tài Safi được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước sang Công ty Cổ phần theo Quyết định số 1247/1998/QĐ-BGTVT ngày 25/05/1998 của Bộ Giao thông Vận tải và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 0301471330 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31/08/1998, đăng ký thay đổi lần thứ 19 ngày 11/06/2012.

Trụ sở chính của Công ty: Số 39, Đường Đoàn Như Hải, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Hoàng Anh	Chủ tịch	(Bổ nhiệm ngày 19/05/2012)
Ông Trần Mạnh Hà	Chủ tịch	(Miễn nhiệm ngày 19/05/2012)
Ông Trần Mạnh Hà	Ủy viên	(Bổ nhiệm ngày 19/05/2012)
Ông Nguyễn Cao Cường	Ủy viên	(Bổ nhiệm ngày 19/05/2012)
Ông Vũ Văn Trực	Ủy viên	(Bổ nhiệm ngày 19/05/2012)
Ông Hoàng Đăng Doanh	Ủy viên	(Miễn nhiệm ngày 19/05/2012)
Ông Phan Thông	Ủy viên	(Miễn nhiệm ngày 19/05/2012)
Ông Nguyễn Hữu Cự	Ủy viên	(Miễn nhiệm ngày 19/05/2012)
Ông Trần Nguyễn Hùng	Ủy viên	

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Cao Cường	Tổng Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 28/05/2012)
Ông Trần Nguyễn Hùng	Tổng Giám đốc	(Miễn nhiệm ngày 28/05/2012)
Ông Trần Nguyễn Hùng	Phó Tổng Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 28/05/2012)
Ông Bùi Quang Cảnh	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Phan Thông	Phó Tổng Giám đốc	(Miễn nhiệm ngày 28/05/2012)

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Nhữ Đình Thiện	Trưởng ban	(Bổ nhiệm ngày 19/05/2012)
Bà Lê Thị Thanh Tụ	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 19/05/2012)
Bà Nguyễn Thị Huyền Linh	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 19/05/2012)
Ông Phạm Sỹ Nhượng	Trưởng ban	(Miễn nhiệm ngày 19/05/2012)
Bà Phùng Thị Nga	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 19/05/2012)
Ông Hồ Anh Tuấn	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 19/05/2012)

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TÀI SAFI

Số 39, Đường Đoàn Như Hải, Phường 12, Quận 4,
Thành phố Hồ Chí Minh

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nếu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 06 năm 2012, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05/04/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thủy mặt Ban Giám đốc



Nguyễn Cao Cường
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 08 năm 2012

01
3
5
7
9
K





Số: 1021/2012/BC.KTTC-AASC.KT2

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT

Về Báo cáo tài chính hợp nhất
cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 06 năm 2012
của Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải Safi

**Kính gửi: Quý cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải Safi**

Chúng tôi đã thực hiện soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải Safi được lập ngày 08 tháng 08 năm 2012, gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 06 năm 2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 06 năm 2012 được trình bày từ trang 05 đến trang 25 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng các Báo cáo tài chính hợp nhất không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; do đó công tác soát xét này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng các Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải Safi tại ngày 30 tháng 06 năm 2012, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 06 năm 2012, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán (AASC)



Nguyễn Thanh Tùng
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ KTV số: Đ0063/KTV

Hà Nội, ngày 23 tháng 08 năm 2012

Nguyễn Anh Ngọc
Kiểm toán viên
Chứng chỉ KTV số: 1437/KTV

111105
ÔNG T
NHÌEM H
VỤ TƯ
HÌNH KẾ T
KIỂM TO
KIỂM-T

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2012	01/01/2012
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		323.689.589.053	252.007.124.013
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	184.736.282.569	182.384.648.852
111	1. Tiền		178.786.282.569	79.255.048.852
112	2. Các khoản tương đương tiền		5.950.000.000	103.129.600.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		131.584.964.258	62.645.195.720
131	1. Phải thu của khách hàng		26.321.731.177	13.236.133.257
132	2. Trả trước cho người bán		2.262.739.146	353.715.631
135	5. Các khoản phải thu khác	4	103.000.493.935	49.055.346.832
140	IV. Hàng tồn kho	5	393.562.186	-
141	1. Hàng tồn kho		393.562.186	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		6.974.780.040	6.977.279.441
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	6	1.635.337.554	876.569.748
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		105.192.051	-
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	7	1.208.838.517	1.340.183.887
158	5. Tài sản ngắn hạn khác	8	4.025.411.918	4.760.525.806
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		205.952.953.455	192.375.404.330
220	II. Tài sản cố định		116.517.073.012	110.980.119.775
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	92.168.961.409	92.013.426.756
222	- Nguyên giá		120.554.942.519	117.839.092.567
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(28.385.981.110)	(25.825.665.811)
227	3. Tài sản cố định vô hình	9	9.493.016.327	9.568.197.566
228	- Nguyên giá		9.935.024.453	9.935.024.453
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(442.008.126)	(366.826.887)
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10	14.855.095.276	9.398.495.453
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	11	86.151.831.426	79.200.556.448
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		84.546.269.426	77.594.994.448
258	3. Đầu tư dài hạn khác		1.605.562.000	1.605.562.000
260	V. Tài sản dài hạn khác		3.284.049.017	2.194.728.107
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	1.028.733.907	1.114.921.977
268	3. Tài sản dài hạn khác	13	2.255.315.110	1.079.806.130
269	VI. Lợi thế thương mại		-	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		529.642.542.508	444.382.528.343

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2012 VND	01/01/2012 VND
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		313.093.026.437	222.984.856.838
310	I. Nợ ngắn hạn		312.703.236.928	222.635.424.143
312	2. Phải trả người bán		22.365.181.957	14.797.958.864
313	3. Người mua trả tiền trước		16.543.435.804	18.198.291.596
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	10.660.361.668	7.958.776.597
315	5. Phải trả người lao động		3.512.396.505	942.984.905
316	6. Chi phí phải trả		128.784.000	119.527.273
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	15	257.710.848.127	180.736.729.659
323	11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		1.782.228.867	(118.844.751)
330	II. Nợ dài hạn		389.789.509	349.432.695
336	6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		389.789.509	349.432.695
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		205.679.802.772	208.555.715.197
410	I. Vốn chủ sở hữu	16	205.679.802.772	208.555.715.197
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		82.899.818.054	82.899.818.054
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		33.636.112.600	33.636.112.600
416	6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	6.249.192.056
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		9.369.763.914	7.264.374.396
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		79.774.108.204	78.506.218.091
439	C. LỢI ÍCH CÒ ĐỒNG THIỂU SỞ		10.869.713.299	12.841.956.308
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		529.642.542.508	444.382.528.343

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	30/06/2012	01/01/2012
5. Ngoại tệ các loại			
- Đồng Dollar Mỹ (USD)		2.176.114,13	2.127.209,02

Nguyễn Thanh Tuyền
Kế toán trưởng

Nguyễn Cao Cường
Tổng Giám đốc

Lập, ngày 08 tháng 08 năm 2012

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/01/2012	Từ 01/01/2011
			đến 30/06/2012	đến 30/06/2011
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	17	131.372.161.615	95.410.638.723
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		131.372.161.615	95.410.638.723
11	4. Giá vốn hàng bán	18	73.668.027.337	57.089.615.037
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		57.704.134.278	38.321.023.686
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	19	10.104.332.300	7.911.081.134
22	7. Chi phí tài chính	20	1.480.059.681	5.496.036.795
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		-	-
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		48.580.006.673	31.356.097.991
30	10. Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh		17.748.400.224	9.379.970.034
31	11. Thu nhập khác		17.355.935	838.448.988
32	12. Chi phí khác		4.432.967	97.700.702
40	13. Lợi nhuận khác		12.922.968	740.748.286
45	14. Phần lãi (lỗ) trong công ty liên kết, liên doanh		6.951.274.978	5.506.725.815
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		24.712.598.170	15.627.444.135
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	21	4.343.883.013	2.625.692.155
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		20.368.715.157	13.001.751.980
61	18.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số		2.455.074.508	464.195.275
62	18.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ		17.913.640.649	12.537.556.705
70	19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	22	2.161	1.512

Nguyễn Thanh Tuyền
Kế toán trưởng

Nguyễn Cao Cường
Tổng Giám đốc

Lập, ngày 08 tháng 08 năm 2012

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/01/2012	Từ 01/01/2011
			đến 30/06/2012	đến 30/06/2011
			VND	VND
01	1. Lợi nhuận trước thuế		24.712.598.170	15.627.444.135
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	Khấu hao tài sản cố định		2.635.496.538	2.529.358.772
05	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(4.625.516.992)	(4.628.737.222)
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		22.722.577.716	13.528.065.685
09	Tăng, giảm các khoản phải thu		(69.382.613.626)	(61.696.860.162)
10	Tăng, giảm hàng tồn kho		(393.562.186)	-
11	Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		61.396.000.581	18.979.854.601
12	Tăng, giảm chi phí trả trước		(672.579.736)	(2.016.673.595)
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(2.714.835.957)	(3.704.872.136)
15	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		33.465.681.402	44.077.301.851
16	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(38.572.657.250)	(833.566.868)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		5.848.010.944	8.333.249.376
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(8.172.449.775)	(1.169.245.273)
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		4.676.072.548	4.628.737.222
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(3.496.377.227)	3.459.491.949
	III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	(12.434.971.500)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		-	(12.434.971.500)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		2.351.633.717	(642.230.175)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		182.384.648.852	128.180.011.501
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ		184.736.282.569	127.537.781.326

101
 CÔNG
 NGHỆ
 THÔNG
 TIN
 KIẾ
 TẠM



Nguyễn Thanh Tuyền
Kế toán trưởng



Nguyễn Cao Cường
Tổng Giám đốc

Lập, ngày 08 tháng 08 năm 2012

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012

1. THÔNG TIN CHUNG

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải Safi được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước sang Công ty Cổ phần theo Quyết định số 1247/1998/QĐ-BGTVT ngày 25/05/1998 của Bộ Giao thông Vận tải và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 0301471330 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31/08/1998, đăng ký thay đổi lần thứ 19 ngày 11/06/2012.

Trụ sở chính của Công ty: Số 39, Đường Đoàn Như Hải, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty là 82.899.818.054 đồng; tương đương 8.289.982 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải Safi tại Quảng Ninh	Số 10 Đường Lê Thánh Tông, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải Safi tại Hải Phòng	Commercial Building, Số 22 Đường Lý Tự Trọng, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải Safi tại Hà Nội	Trung tâm Thương mại Ván Hồ, Số 51 Đường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội, Việt Nam
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải Safi tại Đà Nẵng	Lô 39, Đường số 02, Khu Công nghiệp Đà Nẵng, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải Safi tại Quy Nhơn	Số 99 Đường Phan Đình Phùng, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải Safi tại Vũng Tàu	Số 04 Đường Lê Lợi, Phường 1, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam
- Xí nghiệp Đại lý Hàng hải và Giao nhận Hải Phòng	Số 39, Đường Đoàn Như Hải, Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

Công ty có các công ty con sau:

Tên công ty	Địa chỉ
- Công ty Liên doanh Đại lý Vận tải Cosfi	Số 6A Đường Hồ Xuân Hương, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh
- Công ty TNHH SITC Việt Nam	Phòng 419 - 420 - 421, TD - Business Center, Lô 20A, Đường Lê Hồng Phong, Thành phố Hải Phòng

Công ty có các công ty liên kết sau:

Tên công ty	Địa chỉ
- Công ty TNHH Vận tải và Giao nhận Yusen (Việt Nam)	Số 2A - 4A Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
- Công ty TNHH KCTC Việt Nam	Số 473 Đường Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

Thông tin về các công ty liên kết của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 11.

110,
G T
EMH
U TU
KẾT
ATO
EM-

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty gồm:

- Đại lý vận tải;
- Đại lý ủy thác quản lý container và giao nhận hàng hóa;
- Khai thác, thu gom hàng hóa và vận tải nội địa;
- Đại lý tàu biển, môi giới hàng hải;
- Giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu;
- Mua bán thực phẩm tươi sống, đồ gỗ nội thất, quần áo may sẵn, giày dép, kim khí điện máy, điện tử, điện lạnh và phụ kiện;
- Kinh doanh khai thác kho bãi;
- Vận chuyển hàng hóa quá cảnh đi Lào, Campuchia và ngược lại (chỉ thực hiện khi có đầy đủ thủ tục về hàng quá cảnh);
- Dịch vụ hàng hải và cung ứng tàu biển;
- Sản xuất, mua bán bao bì, chèn lót;
- Đóng gói bao bì hàng hóa;
- Mua bán động vật sống, bò sát (trừ kinh doanh động vật hoang dã thuộc danh mục điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc tham gia quy định và các loại động vật quý hiếm khác cần được bảo vệ), hàng thủy, hải sản;
- Cho thuê văn phòng làm việc;
- Mua bán gốm sứ, sơn mài và hàng thủ công mỹ nghệ;
- Vận tải đa phương quốc tế;
- Sản xuất, gia công, lắp ráp đồ gỗ gia dụng, máy móc, thiết bị, phụ kiện hàng điện tử, điện lạnh (không sản xuất, gia công tại trụ sở);
- Sản xuất, gia công quần áo, giày dép (không sản xuất, gia công tại trụ sở);
- Mua bán, cho thuê vỏ container;
- Phát chuyển nhanh hàng hóa.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.



Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chí phí phát hành cộng các chí phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chí phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chí phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính riêng của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 30 tháng 06 năm 2012. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được lập cho cùng năm kế toán với báo cáo tài chính của Công ty, áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày mua lại hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty đó.

Các số dư, thu nhập và chí phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần không nắm giữ bởi cổ đông của Công ty và được trình bày ở mục riêng trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Trong Báo cáo tài chính hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu.



Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ là chi phí thực tế phát sinh của dịch vụ logistic nhưng chưa đủ điều kiện ghi nhận doanh thu.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 05 năm
- Quyền sử dụng đất	35 năm
- Phần mềm quản lý	03 - 05 năm

Tài sản cố định vô hình là phần mềm quản lý và quyền sử dụng đất bao gồm chi phí thực tế bỏ ra để có quyền sử dụng đất và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng, cụ thể như sau:

- Quyền sử dụng 447,1 m² đất tại số nhà 209 Nguyễn Văn Thù, Phường Đakao, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh với thời gian sử dụng lâu dài;

- Quyền sử dụng 9.488,4 m² đất tại Lô 39, Đường số 2, Khu Công nghiệp Đà Nẵng, Thành phố Đà Nẵng với thời gian sử dụng 35 năm.

001
CƠ
CHÍNH
CH VI
CHÍNH
KIỂM
KIỂM

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 01 năm hoặc trong 01 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 01 năm hoặc hơn 01 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chi liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm Thặng dư vốn cổ phần.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng cân đối kế toán của Công ty sau khi có Nghị quyết chia cổ tức của Đại hội đồng cổ đông Công ty.

1105.
G TY
NHƯU
TƯ V
Ế TOÁN
DÂN
-TP.H

Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Công ty hạch toán chênh lệch tỷ giá hối đoái theo Thông tư 201/2009/TT-BTC ngày 15/10/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp, theo đó các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ được ghi nhận vào doanh thu hoặc chi phí tài chính của kỳ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm này. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, các khoản nợ ngắn hạn có gốc ngoại tệ được phản ánh ở khoản mục "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" trong phần Vốn chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán và sẽ được ghi giảm trong năm tiếp theo.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

Các khoản thuế

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFISố 39, Đường Đoàn Như Hải, Phường 12, Quận 4,
Thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2012 đến 30/06/2012

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>30/06/2012</u>	<u>01/01/2012</u>
	VND	VND
Tiền mặt	7.855.689.752	4.643.050.577
Tiền gửi ngân hàng	168.489.138.672	71.435.758.531
Tiền đang chuyển	2.441.454.145	3.176.239.744
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 03 tháng)	5.950.000.000	103.129.600.000
	<u>184.736.282.569</u>	<u>182.384.648.852</u>

4 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	<u>30/06/2012</u>	<u>01/01/2012</u>
	VND	VND
Phải thu về bảo hiểm xã hội	-	23.692.022
Phải thu về bảo hiểm y tế	52.215.320	-
Phải thu các khoản đã chi hộ Freight World Pte. Ltd	50.758.539.351	18.783.122.581
Phải thu cước phí vận tải cho Freight World Pte. Ltd	-	2.221.895.216
Phải thu hộ cho SITC Container Lines Co.,Ltd	26.560.807.797	15.237.889.281
Phải thu lãi tiền gửi ngân hàng	-	50.555.556
Phải thu cước xuất phòng Air	13.832.887.197	7.187.856.947
Phải thu cước xuất phòng Sea	6.267.412.411	3.542.592.261
Phải thu cước nhập các hãng đại lý	1.370.142.407	1.110.465.208
Phải thu Công ty Gillion chi phí trả hộ	855.169.048	-
Phải thu khác	3.303.320.404	897.277.760
	<u>103.000.493.935</u>	<u>49.055.346.832</u>

5 . HÀNG TỒN KHO

	<u>30/06/2012</u>	<u>01/01/2012</u>
	VND	VND
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	393.562.186	-
	<u>393.562.186</u>	<u>-</u>

6 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

	<u>30/06/2012</u>	<u>01/01/2012</u>
	VND	VND
Chi phí bảo hiểm	241.801.032	137.549.651
Chi phí thuê nhà, thuê văn phòng	410.521.016	265.539.663
Chi phí sửa chữa lớn	59.363.840	-
Chi phí in hóa đơn	93.226.667	-
Chi phí thuê xe	600.000.000	465.480.434
Chi phí thuê kênh, internet trả trước	203.649.999	-
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	26.775.000	8.000.000
	<u>1.635.337.554</u>	<u>876.569.748</u>

1/2/10/3/0/1/1/1

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFISố 39, Đường Đoàn Như Hải, Phường 12, Quận 4,
Thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2012 đến 30/06/2012

7 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	<u>30/06/2012</u>	<u>01/01/2012</u>
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	1.208.817.518	1.088.969.692
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	251.214.195
Các loại thuế khác	20.999	-
	<u>1.208.838.517</u>	<u>1.340.183.887</u>

8 . TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	<u>30/06/2012</u>	<u>01/01/2012</u>
	VND	VND
Tạm ứng	2.275.043.000	2.057.258.788
Các khoản thế chấp, ký quỹ, ký cược	1.750.368.918	2.703.267.018
	<u>4.025.411.918</u>	<u>4.760.525.806</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFI

Số 39, Đường Đoàn Như Hải, Phường 12, Quận 4,
Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2012 đến 30/06/2012

9 - TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VỐ HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị, dụng cụ quản lý		Quyền sử dụng đất		Phần mềm kế toán		Cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ												
Số dư đầu kỳ	86.800.204.854	28.369.452.699	2.669.435.014	9.882.524.453	52.500.000	127.774.117.020						
Số tăng trong kỳ	-	2.463.634.545	252.215.407	-	-	2.715.849.952						
- Mua sắm mới	-	2.463.634.545	252.215.407	-	-	2.715.849.952						
Số giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-						
Số dư cuối kỳ	86.800.204.854	30.833.087.244	2.921.650.421	9.882.524.453	52.500.000	130.489.966.972						
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ												
Số dư đầu kỳ	12.763.317.795	10.936.430.472	2.125.917.544	332.156.190	34.670.697	26.192.492.698						
Số tăng trong kỳ	1.071.896.826	1.370.287.450	126.881.024	66.431.238	-	2.635.496.538						
- Trích khấu hao	1.071.896.826	1.370.287.450	126.881.024	66.431.238	-	2.635.496.538						
Số giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-						
Số dư cuối kỳ	13.835.214.621	12.306.717.922	2.252.798.568	398.587.428	34.670.697	28.827.989.236						
GIÁ TRỊ CÒN LẠI												
Số dư đầu kỳ	74.036.887.059	17.433.022.227	543.517.470	9.550.368.263	17.829.303	101.581.624.322						
Số dư cuối kỳ	72.964.990.233	18.526.369.322	668.851.853	9.483.937.025	17.829.303	101.661.977.736						

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

6.373.697.234 VND

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFISố 39, Đường Đoàn Như Hải, Phường 12, Quận 4.
Thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2012 đến 30/06/2012

10 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	14.805.095.276	9.398.495.453
- Dự án tòa nhà Văn phòng Công ty	14.805.095.276	9.398.495.453
Mua sắm tài sản cố định	50.000.000	-
- Mua xe honda	50.000.000	-
	14.855.095.276	9.398.495.453

11 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	84.546.269.426	77.594.994.448
- Công ty TNHH Vận tải và Giao nhận Yusen (Việt Nam) (1)	78.915.480.920	72.090.443.610
- Công ty TNHH KCTC Việt Nam (2)	5.630.788.506	5.504.550.838
Đầu tư dài hạn khác	1.605.562.000	1.605.562.000
	86.151.831.426	79.200.556.448

Đầu tư vào công ty liên kết

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Công ty vào ngày 30/06/2012 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH Vận tải và Giao nhận Yusen (Việt Nam) (1)	TP. Hồ Chí Minh	45,00%	45,00%	Dịch vụ GN quốc tế và KD vận tải
Công ty TNHH KCTC Việt Nam (2)	TP. Hồ Chí Minh	23,00%	13,00%	Dịch vụ vận tải, kho vận và giao nhận

(1) Theo Hợp đồng Liên doanh giữa các bên là Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải Safi (Bên A), Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư và Chuyển giao công nghệ (Bên B), Công ty TNHH Yusen Air & Sea Service (Bên C) vốn điều lệ của Công ty TNHH Vận tải và Giao nhận Yusen (Việt Nam) là 600.000 USD trong đó vốn góp của các bên như sau: Bên A góp 270.000 USD chiếm 45% vốn điều lệ; Bên B góp 36.000 USD chiếm 6% vốn điều lệ và Bên C góp 294.000 USD chiếm 49% vốn điều lệ.

(2) Theo Hợp đồng Liên doanh giữa các bên là Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải Safi (Bên A), Công ty Cổ phần Dịch vụ vận tải Sài Gòn (Bên B), Công ty Cổ phần Tư vấn và Liên kết doanh nghiệp Việt (Bên C), KCTC (Bên D) và Giấy chứng nhận đầu tư số 411022000233 chứng nhận lần đầu ngày 15 tháng 05 năm 2008, chứng nhận thay đổi lần thứ 01 ngày 26/11/2008 vốn điều lệ của Công ty TNHH KCTC Việt Nam là 900.000 USD trong đó vốn góp của các bên như sau: Bên A góp 207.000 USD chiếm 23% vốn điều lệ; Bên B góp 92.000 USD chiếm 10% vốn điều lệ, Bên C góp 160.000 USD chiếm 18% vốn điều lệ và KCTC góp 441.000 USD chiếm 49%.

Đầu tư dài hạn khác

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Cổ phiếu của Công ty Cổ phần Vinalines Logistic	1.500.000.000	1.500.000.000
Đầu tư trái phiếu	5.000.000	5.000.000
Đầu tư dài hạn khác (thẻ hội viên gold)	100.562.000	100.562.000
	1.605.562.000	1.605.562.000

10/01/2012
U H
V
D
A
T
T
P

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFISố 39, Đường Đoàn Như Hải, Phường 12, Quận 4,
Thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2012 đến 30/06/2012

12 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	542.705.485	629.737.016
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ chờ phân bổ	466.827.930	460.965.937
Chi phí trả trước dài hạn khác	19.200.492	24.219.024
	1.028.733.907	1.114.921.977

13 . TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Ký cược, ký quỹ dài hạn	2.255.315.110	1.079.806.130
	2.255.315.110	1.079.806.130

14 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	1.010.889.534	983.784.976
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	2.304.962.519	927.129.658
Thuế Thu nhập cá nhân	99.103.893	402.763.401
Các loại thuế khác	7.245.405.722	5.645.098.562
	10.660.361.668	7.958.776.597

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

15 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	983.797.487	999.759.400
Bảo hiểm xã hội	206.298.918	12.238.800
Bảo hiểm y tế	-	17.374.000
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	43.581.800.000	41.283.700.000
Phải trả cổ tức cho cổ đông	12.434.971.500	-
Phải trả cước nhập các hãng đại lý	20.622.056.274	23.345.377.211
Phải trả của Chi nhánh Đà Nẵng	7.067.791.960	2.635.035.732
Phải trả của Chi nhánh Hải Phòng	1.833.431.536	1.746.032.028
Phải trả của Chi nhánh Quy Nhơn	18.745.611	553.158.042
Phải trả cước xuất phòng Sea	134.739.188	-
Phải trả cước thu hộ hãng tàu	156.737.119.133	104.653.922.068
Thuế nhà thầu phải trả theo bill	10.861.041.003	3.748.430.082
Phải trả, phải nộp khác	3.229.055.517	1.741.702.296
	257.710.848.127	180.736.729.659



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFISố 39, Đường Đoàn Như Hải, Phường 12, Quận 4,
Thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2012 đến 30/06/2012**16 . VỐN CHỦ SỞ HỮU****a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối		Cộng
	VND	VND				VND	VND	
Số dư đầu kỳ này	82.899.818.054	33.636.112.600	33.636.112.600	6.249.192.056	7.264.374.396	78.506.218.091	208.555.715.197	
Lãi/lỗ trong kỳ	-	-	-	-	-	17.913.640.649	17.913.640.649	
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	2.105.389.518	(2.105.389.518)	-	
Chi trả cổ tức kỳ trước	-	-	-	-	-	(12.434.971.500)	(12.434.971.500)	
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(2.105.389.518)	(2.105.389.518)	
Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá	-	-	-	(6.249.192.056)	-	-	(6.249.192.056)	
Số dư cuối kỳ này	82.899.818.054	33.636.112.600	33.636.112.600	-	9.369.763.914	79.774.108.204	205.679.802.772	

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông thường niên 01-2012/NQ-DHDCĐ ngày 19/05/2012, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2011 như sau:

	Số tiền		Tỷ lệ
	VND	%	
Kết quả kinh doanh sau thuế	21.053.895.188	100,00%	
Trích Quỹ dự phòng tài chính	2.105.389.518	10,00%	
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	2.105.389.518	10,00%	
Chi trả cổ tức (bằng 15% vốn điều lệ)	12.434.971.500	59,06%	
Lợi nhuận chưa phân phối	4.408.144.652	20,94%	

Công ty đã công bố chốt danh sách cổ đông để chi trả cổ tức năm 2011 vào ngày 26/06/2012.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFISố 39, Đường Đoàn Như Hải, Phường 12, Quận 4,
Thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2012 đến 30/06/2012

b) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	82.899.818.054	82.899.818.054
- <i>Vốn góp đầu kỳ</i>	<i>82.899.818.054</i>	<i>82.899.818.054</i>
- <i>Vốn góp cuối kỳ</i>	<i>82.899.818.054</i>	<i>82.899.818.054</i>
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	12.434.971.500	-
- <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm 2011</i>	<i>12.434.971.500</i>	-

c) Cổ phiếu

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.289.981	8.289.981
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	8.289.981	8.289.981
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>8.289.981</i>	<i>8.289.981</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.289.981	8.289.981
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>8.289.981</i>	<i>8.289.981</i>
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VND)	10.000	10.000

d) Các quỹ công ty

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Quỹ dự phòng tài chính	9.369.763.914	7.264.374.396
	9.369.763.914	7.264.374.396

17 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
	VND	VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	131.372.161.615	95.410.638.723
	131.372.161.615	95.410.638.723

18 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
	VND	VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	73.668.027.337	57.089.615.037
	73.668.027.337	57.089.615.037

011
 CÔNG
 TÍNH NH
 HỊCH V
 ẨM CHỈ
 KIẾ
 ĐOANK

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFISố 39, Đường Đoàn Như Hải, Phường 12, Quận 4,
Thành phố Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2012 đến 30/06/2012

19 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay vốn	4.535.516.992	4.628.737.222
Cổ tức, lợi nhuận được chia	90.000.000	-
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	5.478.815.308	3.282.343.912
	10.104.332.300	7.911.081.134

20 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
	VND	VND
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	1.480.059.681	5.496.036.795
	1.480.059.681	5.496.036.795

21 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
	VND	VND
Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	4.343.883.013	2.625.692.155
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	4.343.883.013	2.625.692.155
Thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu kỳ	675.915.463	2.108.608.717
Thuế Thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong kỳ	(2.714.835.957)	(3.704.872.136)
Thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp cuối kỳ	2.304.962.519	1.029.428.736

22 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
	VND	VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	17.913.640.649	12.537.556.705
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	17.913.640.649	12.537.556.705
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	8.289.981	8.289.981
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.161	1.512



23 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty

	Giá trị số kế toán			
	30/06/2012		01/01/2012	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	184.736.282.569	-	182.384.648.852	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	129.322.225.112	-	62.291.480.089	-
Dầu tư dài hạn	1.605.562.000	-	1.605.562.000	-
Cộng	315.664.069.681	-	246.281.690.941	-
			Giá trị số kế toán	
			30/06/2012	01/01/2012
			VND	VND
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả người bán, phải trả khác			280.076.030.084	195.534.688.523
Chi phí phải trả			128.784.000	119.527.273
			280.204.814.084	195.654.215.796

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 30/06/2012				
Phải trả người bán, phải trả khác	280.076.030.084	-	-	280.076.030.084
Chi phí phải trả	128.784.000	-	-	128.784.000
Cộng	280.204.814.084	-	-	280.204.814.084
Tại ngày 01/01/2012				
Phải trả người bán, phải trả khác	195.534.688.523	-	-	195.534.688.523
Chi phí phải trả	119.527.273	-	-	119.527.273
Cộng	195.654.215.796	-	-	195.654.215.796

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

24 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

105
 CÔNG TY
 CHỦ
 TỬ V
 TOÁN
 TP.



25 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Báo cáo bộ phận chính yếu - Theo lĩnh vực kinh doanh:

	Hoạt động logistic		Hoạt động forwarding		Dịch vụ đại lý hàng tau		Hoạt động khác		Tổng cộng các bộ phận		Tổng cộng toàn doanh nghiệp	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	72.518.489.950	28.106.165.192	24.758.275.827	5.989.230.646	131.372.161.615	131.372.161.615					131.372.161.615	
Chi phí trực tiếp	45.272.926.461	15.368.347.636	10.068.242.566	2.958.510.674	73.668.027.337	73.668.027.337					73.668.027.337	
Chi phí phân bổ	22.137.218.217	3.451.439.412	7.138.166.409	264.712.070	32.991.536.108	32.991.536.108					32.991.536.108	
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	5.108.345.272	9.286.378.144	7.551.866.852	2.766.007.902	24.712.598.170	24.712.598.170					24.712.598.170	
Tài sản bộ phận	270.653.818.777	117.890.971.345	95.794.094.352	45.303.658.034	529.642.542.508	529.642.542.508					529.642.542.508	
Tổng tài sản	270.653.818.777	117.890.971.345	95.794.094.352	45.303.658.034	529.642.542.508	529.642.542.508					529.642.542.508	
Nợ phải trả của các bộ phận	170.973.218.731	67.915.629.061	58.944.917.963	15.259.260.682	313.093.026.437	313.093.026.437					313.093.026.437	
Tổng nợ phải trả	170.973.218.731	67.915.629.061	58.944.917.963	15.259.260.682	313.093.026.437	313.093.026.437					313.093.026.437	

Báo cáo bộ phận thứ yếu - Theo khu vực địa lý:

Toàn bộ hoạt động của Công ty diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

26 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, Công ty có các giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
	VND	VND
Thu nhập của Ban Giám đốc và Hội Đồng Quản trị		
- Thu nhập Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị được hưởng	1.076.464.001	810.531.000

27 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu đầu kỳ trên bảng cân đối kế toán hợp nhất là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011, số liệu so sánh trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2011 đến 30/06/2011, các báo cáo này đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) kiểm toán và soát xét.



Nguyễn Thanh Tuyền
Kế toán trưởng



Nguyễn Cao Cường
Tổng Giám đốc

Lập, ngày 08 tháng 08 năm 2012